

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày 07-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Quốc Trình, bà Hồ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Thúc Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2022/TLST - HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Thị K, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn T, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu D, sinh năm 1959 và bà Giáp Thị Th, sinh năm 1964; có chồng tên Đoàn L, sinh năm 1992 và 01 người con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/11/2021 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Chị Hồ Thị Kim Tr, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn A, xã HS, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người làm chứng:

Chị Hồ Thị L, sinh năm 1990 và chị Phạm Thị P, sinh năm 1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; đều cư trú: Thôn U, xã HH, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị L vắng mặt, chị P, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 11 tháng 11 năm 2021, chị Hồ Thị Kim Tr, sinh năm 1999, trú tại Thôn A, xã HS, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế và Bùi Thị K là bạn bè đi chơi với nhau tại thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó, Bùi Thị K cùng

chị Hồ Thị Kim Tr đến nhà của bà Trần Thị Đ (là mẹ ruột chị Tr) tại Thôn U, xã HH, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại đây, Bùi Thị K thấy chị Hồ Thị Kim Tr cất ví tiền vào túi áo khoác treo trong nhà bà Đ nên K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng lúc chị Tr cho con ăn không để ý nên Bùi Thị K lén lút đi đến vị trí chiếc áo khoác, lấy ví tiền trong túi áo ra, K lấy trong ví tiền của chị Tr được 4.000.000 đồng rồi bỏ vào túi áo của K. Sau đó, K để lại chiếc ví của chị Tr vào túi áo khoác như ban đầu. Khoảng 18 giờ cùng ngày, K đi từ nhà của bà Đ về nhà của mình ở Thôn T, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế và cất số tiền 4.000.000 đồng vào tủ của nhà mình. Ngày 12/11/2021, chị Tr phát hiện bị mất số tiền trên nên trình báo cơ quan Công an. Tại Cơ quan điều tra công an huyện Nam Đông, Bùi Thị K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông tạm giữ: Số tiền 4.000.000 đồng (VNĐ). Hiện nay, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho chủ sở hữu là chị Hồ Thị Kim Tr.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hồ Thị Kim Tr đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-ND ngày 26/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông truy tố bị cáo Bùi Thị K về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục hậu quả; gây thiệt hại không lớn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 - 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ý kiến của người bị hại: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất nên không yêu cầu về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Thị K.

Ý kiến của bị cáo và lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố; bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ kết luận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11 tháng 11 năm 2021, khi nhìn thấy chị Hồ Thị Kim Tr cất ví tiền vào túi áo khoác treo trong nhà bà Trần Thị Đ; bị cáo Bùi Thị K đã lén lút chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng, sau đó đem về nhà cất giấu để tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị K là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo Bùi Thị K là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, nhưng không chịu khó lao động để có thu nhập hợp pháp; trái lại bị cáo muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác đã chiếm đoạt số tiền của bạn mình nên phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khắc phục hậu quả; phạm tội gây thiệt hại không lớn bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào tình tiết tăng nặng nào, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì bị cáo chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú.

[5] Đối chiếu với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Bùi Thị K có đủ điều kiện để hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của điều luật, ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ, công việc và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị K phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị K 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị K cho Ủy ban nhân dân xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bùi Thị K có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã HX trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Thị K phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND tỉnh T.T -Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- CQCSĐT Công an huyện Nam Đông;
- CQTHAHS Công an huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Xuân;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Minh Thước